

CHỨC NĂNG THỰC HIỆN CÁC HÀNH VI NGÔN NGỮ TẠI LỜI GIÁN TIẾP CỦA CÂU HỎI TU TỪ

THS LÊ THI THU HOÀI

1. Câu hỏi là nhóm đối tượng được khá nhiều tác giả quan tâm, tuy nhiên hầu như các tác giả chỉ chú ý đến câu hỏi với tư cách là một hành vi ngôn ngữ tại lời cơ bản hay nói cách khác là họ mới chỉ quan tâm đến nhóm những câu hỏi chính danh, như Lê Đông (1996), Võ Đại Quang (2000), Võ Quang Việt (2009)...; còn những câu hỏi không chính danh (trong đó có nhóm câu hỏi mà chúng tôi quan tâm) thì hầu như chưa được chú ý một cách thỏa đáng, mặc dù trên thực tế những câu hỏi loại này chiếm một số lượng không hề nhỏ trong ngôn ngữ nói cũng như ngôn ngữ viết.

Đối tượng mà bài viết này hướng đến là nhóm những câu hỏi tu từ. Phạm vi bài viết không cho phép chúng tôi đi sâu vào vấn đề thuật ngữ nhưng chúng tôi thấy cần có sự biện luận về việc dùng thuật ngữ này. Như mọi người đều biết, đối với ngôn ngữ học truyền thống, khái niệm câu hỏi tu từ thường để chỉ những câu về *hình thức là câu hỏi mà về thực chất là câu khẳng định hoặc phủ định có cảm xúc (...)*. Nó có dạng không đòi hỏi câu trả lời mà chỉ nhằm tăng cường tính diễn cảm của phát ngôn [12]; có nghĩa là đối tượng chủ yếu được nhìn dưới góc độ phong cách học. Tuy

nhiên, trong các tài liệu nghiên cứu hiện nay, thuật ngữ câu hỏi tu từ (Rhetorical questions) có thể được hiểu với nội hàm rộng hơn, và có thể hiểu theo những nghĩa rộng hẹp khác nhau. Theo đó, câu hỏi tu từ theo nghĩa rộng, hay còn được gọi là câu nghi vấn tu từ học, là *những câu nghi vấn không cần sự trả lời* [2] (xem thêm [4], [13], [15]). Có nghĩa là, chúng là những câu có hình thức hỏi nhưng lại không đòi hỏi cung cấp thông tin, chúng mang những giá trị ngôn trung khác, thực hiện những hành vi ngôn ngữ tại lời gián tiếp khác. Còn câu hỏi tu từ theo nghĩa hẹp là những câu *có lực ngôn trung là một sự xác nhận về cực đối lập với cái mà câu hỏi thể hiện* (Sadock, 1971, 1974 dẫn theo Chung-hye Han). Tức là, *một câu hỏi tu từ khẳng định sẽ có lực ngôn trung là một sự xác nhận phủ định, còn một câu hỏi tu từ phủ định sẽ có lực ngôn trung là một sự xác nhận khẳng định* [7] (xem thêm [16], [14]). Nhóm câu hỏi mà chúng tôi quan tâm ở đây là những câu hỏi tu từ được quan niệm theo nghĩa hẹp. Chúng là những câu nghi vấn có giá trị khẳng định hoặc phủ định (theo cách gọi của Cao Xuân Hạo [8]) mang những đặc điểm chính như sau:

- Có hình thức nghi vấn.

- Bao giờ cũng ngầm ẩn một nội dung phán đoán khẳng định hay phủ định.

- Câu có chứa từ phủ định thì ngầm ẩn nội dung khẳng định mệnh đề tương ứng và ngược lại câu không chứa từ phủ định lại ngầm ẩn nội dung phủ định mệnh đề tương ứng.

Trong bài *Tính đa thanh trong câu hỏi tu từ* [9], chúng tôi đã đề cập đến một đặc tính nổi bật của những câu hỏi tu từ này đó là tính đa thanh, là sự tồn tại của hai ý kiến, quan điểm của hai chủ ngôn khác nhau trong cùng một phát ngôn. Tiếp tục lấy đối tượng khảo sát là nhóm những câu hỏi này, chúng tôi muốn đề cập đến một đặc tính tiếp theo, cũng không kém phần quan trọng và lí thú, đó là chức năng thực hiện các hành vi ngôn ngữ tại lời gián tiếp của chúng.

2. Chúng ta đều biết, sự ra đời của lí thuyết hành động ngôn từ (Theory of Speech Act) của nhà triết học John L. Austin đã mang đến cho ngôn ngữ học một cách nhìn mới, một hướng tiếp cận ngôn ngữ mới. Austin đã từng có một câu nói rất nổi tiếng, nó dường như đã khái quát được toàn bộ bản chất lí thuyết hành động ngôn từ của ông, đó là *khi tôi nói tức là tôi hành động* (*When I say, (...) I do.*) [1]. Theo ông, nói năng cũng là một loại hành động, một loại hành động được thực hiện bằng ngôn từ. Không chỉ vậy, Austin còn chỉ ra rằng, khi chúng ta nói một câu trong một ngữ cảnh cụ thể là chúng ta đang thực hiện cùng lúc ba hành động: hành động tạo lời

(Locutionary act), hành động tại lời (Illocutionary act) và hành động mượn lời (Perlocutionary act). Trong đó, hành động tại lời được ông đặc biệt quan tâm và chia ra 2 kiểu sau đây:

- *Hành động trực tiếp* (Direct speech act) là hành động được thực hiện thông qua những phương tiện ngôn ngữ chuyên dụng. Thí dụ:

(1) *Bao giờ anh đi Huế?*

Người nói nói câu này với ý định hỏi để biết thông tin về thời gian của một hành động. Đây trước hết là một câu nghi vấn có mục đích hỏi với biến thời gian *bao giờ* và đòi hỏi/ chờ đợi có câu trả lời cho biến đó.

- *Hành động gián tiếp* (Indirect speech act) là hành động được thực hiện thông qua việc thực hiện, theo câu chữ, một hành động tại lời trực tiếp khác. Thí dụ:

(2) *Tôi nói thế bao giờ?*

Trong trường hợp này, tuy về hình thức, có thể xếp câu nói vào câu nghi vấn (chẳng hạn, dựa trên dấu hiệu có từ nghi vấn *bao giờ*) nhưng thực ra người nói không hề có ý định "hỏi" mà là muốn thông qua hình thức chất vấn để "bác bỏ" điều mà người nghe cho rằng người nói đã *nói*. Câu nghi vấn trong trường hợp này không có mục đích hỏi nên cũng không yêu cầu một câu trả lời.

3. Như chúng tôi đã từng phân tích, các câu hỏi tu từ loại này thường hoạt động trong các tình huống xuất hiện (hoặc tiềm tàng xuất hiện) những ý kiến, quan điểm đối lập, trái ngược nhau, hay không có sự thống nhất, đồng tình giữa hai chủ ngôn. Ý kiến

của người nói chỉ xuất hiện khi đã có sự tồn tại của một ý kiến khác không trùng với quan điểm của người nói tại thời điểm phát ngôn. Có thể nói, câu hỏi tu từ là một kiểu câu siêu ngôn ngữ, một phát ngôn về phát ngôn. Chính vì thế, vị trí điển hình của các câu hỏi tu từ trong văn bản và trong đối thoại là vị trí phụ thuộc. Cho nên, tùy theo từng đặc tính và quan hệ tương tác với các hành vi ngôn ngữ kích thích mà câu hỏi tu từ có thể biểu hiện những lớp hành vi ngôn ngữ gián tiếp khác nhau. Từ những tư liệu hiện có và bằng những quan sát trong thực tế giao tiếp, chúng tôi thấy câu hỏi tu từ loại này thường thực hiện một số kiểu hành vi tại lời (hay chức năng tại lời) cơ bản sau đây:

3.1. Câu hỏi tu từ thực hiện chức năng tại lời "bác bỏ"

Có thể nói, đây là một trong những kiểu hành vi tại lời phổ biến nhất của câu hỏi tu từ. Điều này không có gì khó lí giải vì như chúng tôi đã nói ở trên, ngữ cảnh đặc trưng của câu hỏi tu từ là tồn tại sự mâu thuẫn giữa những quan điểm, ý kiến trái khác nhau, từ đó xuất hiện nhu cầu "đấu tranh giành quyền lực" xem quan điểm nào và của ai cuối cùng sẽ được thừa nhận. Và tất nhiên trong quá trình "đấu tranh" đó, người nói có thể sử dụng cách thức mạnh mẽ và có lẽ hiệu quả nhất là bác bỏ quan điểm, ý kiến của người đối thoại, đồng thời đưa ra những lý lẽ, lập luận để khẳng định quan điểm, ý kiến của mình. Sự bác bỏ này có thể được thực hiện một cách trực tiếp hay gián tiếp phụ thuộc vào mục đích, chiến thuật giao tiếp của người nói.

Phương thức bác bỏ trong các câu hỏi tu từ được thể hiện rất đa dạng, dưới nhiều hình thức và cách thức khác nhau. Sau đây là những phương thức bác bỏ cơ bản của câu hỏi tu từ:

3.1.1. Bác bỏ dưới hình thức chất vấn cái quan điểm, ý kiến khác được người nói đưa vào nội dung mệnh đề của câu hỏi tu từ

Bằng cách này, người nói phủ nhận và chỉ ra tính không đúng đắn hay thiếu cơ sở của ý kiến thứ nhất đồng thời khẳng định ý kiến và quan điểm của mình. Ở đây, người nói đã chọn hình thức bác bỏ một cách trực tiếp, trực diện, không vòng vo.

Cái ý kiến, quan điểm khác mà người nói đã đưa vào nội dung mệnh đề câu hỏi có thể hoặc được nói hiển ngôn ở trước đó. Thí dụ:

(2) - *Chào các đồng chí!*

Vách đứng bật ngay dậy, sừng sộ:

- Ai đồng chí đồng chuột với mày?

(*Tô Hoài, Ba người khác*).

(3) - *Nhiều người nói đến tai tôi là chú cứ nói xấu ông cụ với những tay làm báo, (...)*

Vạn tóc mai ngơ ngác cãi:

- *Oan! Oan tôi quá! Nào tôi có nói xấu ông cụ bao giờ?*

(*Vũ Trọng Phụng, Giông tố*)

Hoặc được thể hiện dưới hình thức là một hành động, thái độ hiện thực hay phỏng đoán của một người nào đó mà người nói sử dụng đưa vào nội dung mệnh đề câu hỏi nhằm mục đích bác bỏ chính cái hành động, thái độ đó.

(4)... Ông cụ già 60 tuổi dạ một tiếng rồi ra trước bàn thì thụp lạy như trước bàn thờ ông vải. Ông huyện gắt:

- Thôi! Cho đứng lên! Đứng lên khai chứ ai bảo lạy?

(Vũ Trọng Phụng, *Giông tố*)

Đây cũng chính là kiểu bác bỏ mà Siriwong Hongsawan, khi nghiên cứu về hành động bác bỏ trong tiếng Việt và tiếng Thái, gọi là *bác bỏ bằng cách dùng từ nghi vấn* [10]. Siriwong Hongsawan đã tổng kết lại một số kiểu bác bỏ bằng cách dùng từ nghi vấn và hầu hết trong số đó là những câu hỏi tu từ nằm trong nhóm mà chúng tôi đang quan tâm. Những kết quả nghiên cứu của tác giả Siriwong Hongsawan càng giúp cho chúng tôi có thêm những minh chứng cho khả năng thực hiện hành vi bác bỏ của câu hỏi tu từ.

3.1.2. Bác bỏ thông qua hình thức chất vấn tiền giả định

Một cách bác bỏ khác của câu hỏi tu từ đó là chất vấn tiền giả định của phát ngôn được nói ra trước đó. Người nói muốn thông qua việc chỉ ra tính không xác thực của tiền giả định để bác bỏ cái ý kiến, quan điểm của người đối thoại. Đây là chiến thuật bác bỏ một cách gián tiếp, người nói muốn người nghe hiểu rằng một khi bản thân tiền giả định của câu nói đã không xác thực thì nội dung mệnh đề của phát ngôn là hoàn toàn không có cơ sở và từ đó hãy xem xét lại mà thay đổi quan điểm, thái độ của mình. Phương thức bác bỏ này cũng đã được Siriwong Hongsawan (2010) đề cập tới khi nghiên cứu hành động bác bỏ chung trong tiếng Việt. Thí dụ:

(5) (Đối thoại giữa hai sinh viên cùng lớp)

A - Cậu cho tớ xin lại quyển sách "Dẫn luận ngôn ngữ".

B - (a) Tớ có mượn cậu quyển sách nào đâu?

(b) *Quyển đó tớ cũng có, tớ mượn cậu để làm gì?*

(c) Tớ mượn cậu khi nào?

(d) Tớ chẳng đã trả lại cậu ngay hôm sau rồi là gì?

Câu nói của sinh viên A có 2 tiền giả định (TGĐ) là:

TGĐ1: Sinh viên B đã mượn của sinh viên A một quyển sách.

TGĐ2: Sinh viên B (tính cho đến thời điểm phát ngôn) vẫn chưa trả lại quyển sách cho sinh viên A.

Ở các phát ngôn (a), (b), (c), sinh viên B đã phủ định thông qua hình thức chất vấn (bằng một câu hỏi tu từ) TGĐ1 của phát ngôn trước đó để cho thấy rằng cậu ta/cô ta không mượn, không có lí do để mượn cũng như chưa bao giờ mượn quyển sách đó, sinh viên A hãy nhớ lại và từ đó hãy thay đổi suy nghĩ, quan điểm của mình. Còn ở phát ngôn (d), sinh viên B lại bác bỏ bằng cách chất vấn TGĐ2 và khẳng định rằng cậu ta/cô ta đã trả quyển sách đó ngay sau hôm mượn rồi. Rõ ràng là, trong tình huống này, thông qua việc chất vấn và chỉ ra tính không đúng đắn, thiếu cơ sở của các TGĐ của phát ngôn trước mà sinh viên B đã bác bỏ lại ý kiến, quan điểm của sinh viên A. Thí dụ tương tự:

(6) (Đối thoại giữa chủ nhà và người giúp việc)

- Chủ nhà:

Nếu cháu cần tiền thì bảo cô, cô sẽ đưa cho. Đừng tự ý lấy tiền trong ví của cô như thế nhé!

- Người giúp việc:

Cháu có lấy tiền của cô đâu?

Cháu lấy tiền của cô khi nào?

Cháu lấy tiền của cô làm gì?

Cháu có biết ví của cô ở đâu đâu mà lấy?

Ở tình huống này, người chủ nhà khi nói ra phát ngôn mang tính răn đe, khuyên nhủ đó đã TGD trước là: *người giúp việc đã lấy tiền và số tiền đó để ở trong ví*. Tuy nhiên, người giúp việc đã hoàn toàn bác bỏ lại ý kiến, quan điểm của chủ nhà bằng cách chất vấn hai TGD đó, đưa ra những lý lẽ chứng minh rằng các TGD này là sai, là thiếu căn cứ, thông qua đó muốn người đối thoại thay đổi suy nghĩ và quan điểm của mình về vấn đề đã nêu ra.

3.1.3. Bác bỏ như là một công cụ lập luận, một khâu trung gian trên con đường dẫn đến mục đích cuối cùng của người nói

Cũng thực hiện chức năng bác bỏ tuy nhiên chúng lại không phải là cái đích cuối cùng mà người nói hướng đến, một số câu hỏi tu từ đã được sử dụng như một bộ phận trung gian trong quá trình lập luận giúp người nói có thể đạt được mục đích của mình. Trong trường hợp này, cái ý kiến, quan điểm khác cũng được người nói đưa vào nội dung mệnh đề câu hỏi (P?), nhằm bác bỏ (thông qua hình thức chất vấn) tính đúng đắn của chúng

và khẳng định ý kiến, quan điểm của mình; từ đó biện minh, chứng minh cho tính đúng đắn, hợp lí của một ý kiến, quan điểm (Q) khác, hoặc ngược lại, biện minh cho tính không đúng đắn, không hợp lí của (Q). Nghĩa là, trong trường hợp này mục đích của người nói không phải là bác bỏ ý kiến khác được đưa vào nội dung mệnh đề của câu hỏi. Việc bác bỏ đó chỉ được sử dụng như một công cụ lập luận sắc bén, có tính thuyết phục cao, như một bước trung gian trên con đường dẫn đến mục đích cuối cùng của người nói. Thí dụ:

(7) (Đối thoại giữa cha/mẹ với con trong hoàn cảnh người con đang gặp nhiều thất bại và khó khăn trong công việc)

- Thôi cố lên con ạ! Rồi ra mà ông trời cho khá. Biết thế nào được hả con, có ai giàu ba họ, ai khó ba đời!

Đích cuối cùng mà người mẹ muốn là động viên, mong con hi vọng vào tương lai, cố gắng tiếp tục công việc. Tất nhiên, trong trường hợp này người con thường ở trong hoàn cảnh bi quan, thiếu niềm tin vào cuộc sống. Và khi đó, bằng việc sử dụng một câu hỏi tu từ chất vấn về sự tồn tại của một điều được giả định có thể là quy luật chung thường thấy, người mẹ đã đưa ra một chứng cứ có tính thuyết phục cao, nhằm biện minh cho điều mình nói là đúng, là hoàn toàn có cơ sở.

Có thể thấy rằng, trong những trường hợp như vậy, người nói có thể đưa vào trong câu những quy luật, những điều phổ biến theo lẽ phải thông thường hoặc những sự thực cả hai

được... để làm căn cứ lập bên đầu biết hay đều có thể kiểm chứng luận, chứng minh. Những câu hỏi tu từ thực hiện kiểu chức năng tại lời này thường xuất hiện trong tình huống mà theo đánh giá của người nói, một ý kiến nào đó vừa đưa ra hoặc sẽ đưa ra, chưa hoặc có khả năng chưa đủ sức thuyết phục, chưa đủ làm cho người ta tin. Thí dụ:

(8): ... Bà nghĩ nát ruột về Nhu. Bà thừa hiểu rằng cảnh gái già chẳng sung sướng gì đâu! (...). Bởi thế cho nên với việc người ta hỏi Nhu, bà tỏ ý lác quan. Đã đành anh chàng cũng có ý bòn của đấy, nhưng cái sự tham thì ở đời thì ai mà chả tham? Nếu nhà nó giàu nó chả chịu lấy Nhu là đứa đã hơn nó những năm, sáu tuổi. Nó nghèo thì mình cho nó nhờ và ít nhiều. Nó nhờ và mình thì phải né con mình.

(Nam Cao, Ở hiền)

Trong ngữ cảnh này, người mẹ đang tự đấu tranh với mình, tự giải thích, thuyết phục chính mình. Bà biết người đàn ông đó đồng ý lấy con gái bà vì muốn “bòn của”. Nhưng với bà việc tham lam của anh ta cũng là điều dễ hiểu vì trên đời này “ai mà chả tham” ít nhiều, “tham” là một đặc tính chung của con người không loại trừ ai. Và bằng một câu hỏi tu từ, người mẹ đã tự bác bỏ cái suy nghĩ trước đó của mình, đưa ra những lí lẽ hợp lí để tự thuyết phục mình và thậm chí tin rằng việc tham lam đó đôi khi lại có lợi cho con gái bà...

Quan sát thêm một thí dụ nữa trích từ *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

(9) Năm nay tôi vừa tròn 79 tuổi, đã là "lớp người xưa nay hiếm" nhưng tinh thần đầu óc vẫn rất sáng suốt, tuy sức khỏe có kém so với vài năm trước đây. Khi người ta đã ngoài 70 xuân, thì tuổi càng cao, sức khỏe càng thấp. Điều đó cũng không có gì là lạ (I). Nhưng ai mà đoán biết tôi còn phục vụ cách mạng, phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân được bao lâu nữa? (II) Vì vậy... (III)

Ở phân đoạn (I), để làm yên lòng nhân dân, không lo lắng cho sức khỏe của Người, Bác nói tinh thần, đầu óc Bác vẫn rất sáng suốt, còn chuyện sức khỏe có giảm sút là việc tất yếu của quy luật tự nhiên. Thông điệp Bác muốn gửi tới là Bác vẫn khỏe mạnh, chưa có điều gì bất thường đáng lo ngại, chưa cần nghĩ đến tình huống xấu và cũng để xóa đi lo ngại về việc vì sao Bác viết di chúc. Ở (II), bằng việc nêu ra câu hỏi tu từ (*Nhưng ai mà biết...?*), Bác đã đưa ra lí lẽ thuyết phục, chứng minh tính đúng đắn, hợp lí của điều Bác đang làm. Vì là nằm ngoài khả năng dự đoán của con người nên chúng ta cần phải lo trước, tính trước cái khả năng không ai đoán biết trước được đó. Như vậy, đích cuối cùng mà Bác muốn hướng đến là nói những điều ở phân đoạn (III) nhưng để thực hiện nó, Bác đã có một quá trình lập luận, dẫn dắt và việc dùng câu hỏi tu từ là một trong những cách thức có tính thuyết phục cao giúp Bác đi đến được mục đích cuối cùng của mình.

3.2. Câu hỏi tu từ thực hiện chức năng như là một câu trả lời gián tiếp ngầm ẩn (sự phản ứng lại nội dung mệnh đề của phát ngôn trước)

Trong đối thoại, bên cạnh chức năng bác bỏ như đã nói ở trên, câu hỏi tu từ còn được sử dụng như là một câu trả lời gián tiếp, một phản ứng trở lại đối với các câu hỏi. Khi đó, chính cái nội dung khẳng định hay phủ định ngầm ẩn của câu hỏi tu từ kết hợp với chức năng gạt bỏ các khả năng đối lập của nó cho phép nó thực hiện chức năng là một câu trả lời - một câu trả lời gián tiếp ngầm ẩn. Quá trình thực hiện cái chức năng này của câu hỏi tu từ cũng tương tự như khi chúng thực hiện chức năng bác bỏ, người nói sẽ sử dụng chính nội dung mệnh đề trong câu hỏi của người đối thoại làm mệnh đề của câu hỏi tu từ, để qua đó phản ứng lại cái nội dung mệnh đề đó, đồng thời thể hiện chính kiến và quan điểm của mình. Thực chất, đây chính là hành vi bác bỏ thông qua việc chất vấn TGD của phát ngôn trước đó như chúng tôi đã trình bày ở trên. Chỉ có điều phát ngôn trước đó ở đây là một phát ngôn hỏi và chúng ta cũng biết rằng nội dung mệnh đề của một phát ngôn hỏi chính là TGD của phát ngôn đó. Thí dụ:

(10) Câu hỏi: *Mày đánh nó phải không?*

Câu trả lời khẳng định và phủ định thông thường:

- *Đúng, tôi đã đánh nó đấy.*
- *Không, tôi không đánh nó.*

Câu trả lời là một câu hỏi tu từ:

- *Tôi đánh nó bao giờ? (≈ Không, tôi không đánh nó và cũng chưa bao giờ đánh nó).*

- *Tôi đánh nó làm gì? (≈ Không, tôi không đánh nó, và chẳng có lí do gì để tôi phải đánh nó cả).*

- *Tôi có đánh nó đâu? (≈ Không, tôi không đánh nó.)*

- *Có ai đánh nó đâu? (≈ Không có ai đánh nó cả.)*

- *Sao tôi phải đánh nó? (≈ Không, tôi không đánh nó và không có lí do gì để tôi phải đánh nó cả.)*

- *Tôi làm sao mà đánh nó được? (≈ Tôi không đánh nó và cũng không có khả năng đánh nó.)*

- *Hồn thế, ai mà chịu được? (≈ Đúng, tôi đánh nó vì nó hồn quá).*

Nếu so sánh việc trả lời câu hỏi bằng những phát ngôn phủ định và khẳng định chính danh với việc sử dụng câu hỏi tu từ như là một câu trả lời, thì có thể thấy chúng giống nhau về nghĩa mệnh đề và tình thái câu, nhưng lại hoàn toàn khác nhau về sắc thái biểu cảm, về giá trị dụng pháp cũng như tình thái của lời vị ngữ. Điều này đã giải thích vì sao câu hỏi tu từ lại được sử dụng phổ biến trong giao tiếp hàng ngày. Thí dụ:

(11) Câu hỏi: *Hôm trước mày có đi chơi với cái Lan không?*

Câu trả lời bằng những câu hỏi tu từ:

- *Tao có đi với nó đâu? (≈ Không, tao không đi chơi với Lan).*

- *Tao đi chơi với nó làm gì? (≈ Không, tao không đi và không có lí do gì để tao phải đi chơi với Lan cả).*

- *Tao đi chơi với nó bao giờ? (≈ Không, tao không đi và cũng chưa bao giờ đi chơi với Lan cả).*

- Sao tao lại không đi? (\approx Có, tao có đi chơi với Lan và không có lý do gì để tao không được đi cả).

- Đi làm sao được? (\approx Không, tao không đi và có một lý do gì đó khiến tao không thể đi hoặc không nên đi).

- Tội gì mà không đi? (\approx Có, tao có đi chơi với Lan và không tội gì bỏ qua dịp đi chơi thú vị này).

- Có gì hay đâu mà đi với nó? (\approx Không, tao không đi và đối với tao không có gì thú vị khi đi chơi với Lan cả).

Thí dụ:

(12) - May may cái áo dài xanh hết những mười đồng phải không?

(...)

- Con may đâu nào? Tiền đâu mà may những chục bạc? Con mua lại của con chị em bạn ba đồng, ấy mà đã trả nó đâu?

(Nguyễn Hồng, *Vực thăm*)

3.3. Câu hỏi tu từ thực hiện chức năng phản ứng lại những nhân tố thuộc bình diện ngữ dụng khác của phát ngôn đi trước

Không chỉ thực hiện chức năng phản ứng lại nội dung mệnh đề của phát ngôn trước đó như chúng tôi đã đề cập đến ở mục 3.2, các câu hỏi tu từ còn được dùng với chức năng phản ứng lại những bình diện ngữ dụng khác của phát ngôn trước đó.

Ở chức năng mà chúng tôi đang đề cập đến ở đây thì điều đặc biệt là câu hỏi tu từ thể hiện thái độ tán thành với người đối thoại về những nhận định, miêu tả trong nội dung mệnh

đề nhưng lại phản ứng trở lại những bình diện ngữ dụng khác của phát ngôn đó như: thái độ, mục đích, cách sử dụng từ ngữ...Thí dụ:

(13) - Này, nhà ông Bình giàu thật đấy, lại mới mua một cái ô tô nữa.

13a - Ai mà chả biết nhà ông ấy giàu?

13b - Chuyện, nhà ông tổng giám đốc làm gì mà chẳng giàu?

13c - Nhà ông ấy thì còn phải nói gì nữa?

Rõ ràng là các câu hỏi tu từ trên không nhằm vào thực cách (validity) nội dung mệnh đề của phát ngôn trước (ông Bình giàu) mà chúng nhằm vào bình diện tình thái hành động phát ngôn của nó. Ở phát ngôn (13a), người nói đã xác nhận nhận định của người đối thoại là "nhà ông Bình giàu" bằng việc khẳng định, không chỉ riêng ai đó mà tất cả mọi người đều biết nhà ông ấy giàu, vì vậy điều vừa nói ra trước đó chẳng có gì mới mẻ (có cần phải nói cái điều mà mọi người đều biết rõ rồi đó không?). Trong khi đó, ở phát ngôn (13b), người nói cũng đồng ý với ý kiến của người đối thoại về mặt nội dung nhưng lại không tán thành về thái độ ngạc nhiên, thán phục của người đối thoại. Người nói thông qua câu hỏi tu từ đã chỉ ra rằng việc nhà ông Bình giàu chẳng có gì đáng ngạc nhiên cả, ông ấy là tổng giám đốc, đứng đầu một công ty, thì chắc chắn là ông ấy giàu rồi (theo quan niệm, suy đoán chung của xã hội, rằng có chức có quyền thì có tiền). Tương tự, ở câu (13c), người nói cũng hoàn toàn nhất trí với nhận định của người đối thoại nhưng người nói muốn chất

vấn cái hành động thông báo của người đối thoại, việc nhà ông Bình giàu là điều hiển nhiên, đương nhiên, vì thế việc anh nói trở nên không cần thiết, không thích hợp.

Để thấy rõ hơn chúng ta cùng quan sát thêm một số thí dụ sau:

(14) - *Thằng Nam con bà Mai nghiện hút đấy.*

14a - Ai mà chẳng biết điều đó?

14b - Nó chẳng nghiện từ mấy năm nay rồi sao?

14c - Bố mẹ như thế thì làm gì mà con chẳng nghiện?

14d - Có gì lạ đâu?

14e - Thì nó nghiện đấy liên quan quái gì đến ông?

(15) - *Chắc ngày mai trời lại nắng.*

15a - *Nắng mưa là chuyện của trời, ai mà đoán được?*

15b - Trên ti vi chẳng đã vừa dự báo như thế là gì?

3.4. Câu hỏi tu từ thực hiện chức năng từ chối hay chấp thuận gián tiếp đối với những hành vi thuộc nhóm khuyến lệnh đi trước

Trước những hành vi thuộc lớp khuyến lệnh (mời, rủ, yêu cầu, đề nghị...), câu hỏi tu từ có thể được người nói sử dụng để thực hiện chức năng như một lời từ chối hay chấp thuận gián tiếp tùy theo nội dung ngầm ẩn của nó tương ứng với khả năng nào trong các khả năng phản ứng mà phát ngôn đi trước định ra. Thí dụ:

(16) - *Tối nay, đi xem phim với tớ đi!*

- Thôi, đi làm gì?

- Đạo này có phim gì hay đâu mà xem?

- Còn một đồng bài tập kia kia, tớ đã làm gì đâu?

- Tớ có bao giờ từ chối cậu đâu?

- Cậu mời thì tớ làm sao mà không đi được?

Chúng ta đều biết việc chấp thuận hay từ chối đôi khi bị ràng buộc bởi những nguyên tắc lịch sự nhất định. Việc từ chối trực tiếp và ngay cả là chấp thuận trực tiếp (trong những ngữ cảnh nhất định) có thể làm người đối thoại cảm thấy không thoải mái thậm chí là làm mất thể diện hoặc làm chính người nói cảm thấy ngại ngùng. Vì thế, trong giao tiếp hàng ngày của người Việt, phương thức này thường được sử dụng rất hạn chế. Người Việt Nam thiên về lối từ chối hoặc chấp thuận gián tiếp. Và câu hỏi tu từ là một trong những biện pháp thường được sử dụng. Trong trường hợp này, người nói đã sử dụng câu hỏi tu từ để chất vấn, mong muốn người nghe hãy xem xét, cân nhắc lại về sự cần thiết của hành động, về lợi ích mà hành động mang lại, viện dẫn những lí do bên ngoài, thậm chí là những lí do tình cảm có thể tác động đến khả năng thực hiện hành động; hoặc người nói có thể gợi ý ra những giải pháp khác cho hành động, để từ đó gián tiếp từ chối hoặc chấp thuận thực hiện hành động đó. Thí dụ:

(17) - *Mở giúp anh cái cửa sổ được không?*

- Ôn lắm anh ạ, mở làm gì?

- Ở ngoài có gì hay đâu mà mở hả anh?

- Cái của số đó chặt lắm em làm sao mà mở được?

- Sẵn lòng thôi, có gì khó đâu ạ?

- Lệnh của anh làm sao mà em không làm được?

(18) - *Này, cái ti vi hỏng rồi cậu sửa nó đi nhé!*

- Tớ làm sao mà sửa được?

- Sửa làm gì mua cái mới cho xong?

- Tớ phải đi chơi với bạn gái bây giờ, ti vi của cậu làm sao quan trọng bằng bạn gái tớ được?

- Cậu gọi thợ đến mà sửa, có đáng bao nhiêu tiền đâu?

- Sửa tivi thì có khó gì đâu?

- Việc đó ngoài tớ ra thì làm gì còn có ai khác trong phòng này có thể làm được chứ?

3.5. Câu hỏi tu từ thực hiện chức năng phản ứng lại những hành động, việc làm của người khác

Ngoài chức năng phản ứng lại các phát ngôn trước trên nhiều bình diện khác nhau như đã trình bày, chúng tôi còn thấy, trong giao tiếp, câu hỏi tu từ thường được dùng để phản ứng lại, hay để biểu lộ cảm xúc, thái độ, đánh giá của người nói trước những hành động, việc làm của người khác. Những hành động này có thể đã được thực hiện, đang thực hiện hoặc đang có dự định thực hiện. Và khi được sử dụng để chất vấn các hành động này, câu hỏi tu từ sẽ có hiệu lực của một lời khuyên (nên hay không nên làm), hoặc bộc lộ sự đánh giá về tính hợp lý hay không hợp lý của hành động. Tùy thuộc vào các

nhân tố ngữ cảnh giao tiếp, thời điểm diễn ra hành động và đối tượng thực hiện hành động mà câu hỏi tu từ được sử dụng có hiệu lực tại lời tương ứng.

Để phản ứng lại những hành động của người đối thoại, câu hỏi tu từ có thể thực hiện chức năng là các hành vi ngôn ngữ gián tiếp thuộc lớp khuyên lệnh như: ngăn cản, cấm đoán, khuyên nhủ, yêu cầu... ai nên hay không nên làm một việc gì. Hoặc trước những hành động đã xảy ra hay đang diễn ra (bất luận được thực hiện bởi người đối thoại hay bởi người thứ ba) thì câu hỏi tu từ đều có thể thực hiện chức năng bộc lộ cảm xúc, đánh giá về tính hợp lý hay không hợp lý của hành động, biểu lộ thái độ mang tính ngạc nhiên, chê trách... của người nói đối với hành động đó. Thí dụ:

(19) Nếu một người mẹ đang định đánh đứa con thì những câu hỏi tu từ sau đây có hiệu lực như một lời khuyên can:

- *Thôi, nó có tội tình gì đâu?*

- *Ai nữ đánh một đứa trẻ chi vì sơ suất còn con bao giờ?*

- *Đánh nó phỏng được lợi ích gì?*

- *Đánh nó chi chi tổ mụ người đi thôi, đánh làm gì?*

Người nói thông qua việc chất vấn về cơ sở lí do của hành vi (*tội tình gì?*), về mục đích (*làm gì?*), về hiệu quả hành vi mang lại (*lợi ích gì?*), về chuẩn mực hành vi thông thường của con người trong xã hội (*ai nữ ... bao giờ?*) để biểu thị sự đánh giá phủ định đối với tính thích hợp của hành vi, từ đó tạo ra hiệu lực của một lời can ngăn không nên thực hiện hành động đó.

(20) Thấy chàng trai hàng xóm đưa con gái đi chơi về, mẹ nói với con gái:

- *Thằng ấy có gì hay đâu mà mày đem đâu vào nó?*

- *Mới tí tuổi đầu yêu đương vào thì còn làm được việc gì nữa?*

- *Con vẫn còn rất trẻ, dành thời gian học đã, tốt nghiệp xong yêu cũng đã muộn đâu nào?*

Những câu hỏi tu từ mà người mẹ sử dụng ở trên có hiệu lực như một lời khuyên can, ngăn cản.

(21) Hai người đàn ông nói chuyện với nhau về người hàng xóm của họ (ông Nam) hôm qua đã đánh vợ:

- *Ai lại đi đánh vợ bao giờ?*

- *Có ai tin được ông Nam hiền thế lại đánh vợ?*

- *Đánh vợ thì sao còn đáng mặt đàn ông?*

Những câu hỏi tu từ này lại thực hiện chức năng bộc lộ thái độ, đánh giá của người nói đối với tính hợp lí của hành động (theo những chuẩn mực thông thường của xã hội), đồng thời cũng thể hiện một số sắc thái biểu cảm như chê trách, ngạc nhiên...

3.6. Câu hỏi tu từ thực hiện một số hành vi ngôn ngữ gián tiếp khác phù hợp với những ngữ cảnh nhất định

Những hành vi ngôn ngữ mà câu hỏi tu từ thực hiện trong hoạt động giao tiếp mà chúng tôi đã phân tích ở trên là những hành vi mang tính khái quát và cơ bản nhất. Chúng tạo thành những nhóm với những tổ chức và quy luật hành chức đặc trưng, riêng biệt. Tuy nhiên bên cạnh đó, tùy thuộc

và những ngữ cảnh nhất định, câu hỏi tu từ còn có thể thực hiện nhiều hành vi ngôn ngữ tại lời gián tiếp khác, biểu hiện nhiều sắc thái biểu cảm khác, rất đa dạng. Thí dụ:

(22) A: *Sao hôm qua anh không đi họp?*

B: *Nào tôi có biết gì đâu? / Nào có ai báo cho tôi đâu?*

Trong ngữ cảnh này, chúng ta thấy rằng câu hỏi tu từ mà người nói sử dụng đã thực hiện một hành vi ngôn ngữ tại lời gián tiếp là "thanh minh": Tôi không đi họp không phải là vì tôi vô tổ chức, hay coi thường cơ quan, coi thường cấp trên; tôi không đi họp là vì tôi không biết thông tin đó, vì không có ai báo cho tôi biết về cuộc họp đó cả...

(23) *Thôi, anh báo người khác làm đi, chứ tôi thì làm được việc gì?*

(24) *Nó thì làm được việc gì?*

Hai câu hỏi tu từ (23 và (24) xét về cấu trúc cú pháp và ngữ nghĩa thì hoàn toàn giống nhau nhưng thông tin ngữ dụng mà chúng chuyển tải lại hoàn toàn khác nhau. Ở câu (23), người nói đã tỏ ý "giận dữ", có thể vì một hành động hay lời nói của người đối thoại trước thời điểm phát ngôn. Trong khi đó, câu (24) lại thể hiện một sắc thái ngữ dụng khác, đó là người nói đã tỏ ý "coi thường" (một hành vi thuộc nhóm biểu cảm) về đối tượng đang được nói đến, cụ thể là theo quan điểm của người nói thì "nó chẳng thể làm được việc gì cả".

(25) (B mời A đến nhà chơi mấy lần nhưng A vẫn chưa đến, bỗng nhiên hôm nay A nói có ý định đến)

A: *Địa chỉ nhà anh thế nào nhỉ?
Cuối tuần này tôi định đến chơi.*

B: *Thôi, anh thì làm gì có thời gian mà đến thăm nhà tôi?*

Rõ ràng là, cái ý nghĩa phủ định ngầm ẩn đã không là cái đích cuối cùng của mục đích phát ngôn. Nó đã bị đẩy xuống hàng thứ yếu và để cho cái hành vi ngôn ngữ tại lời gián tiếp nổi lên, đó là sự "trách móc" của người nói đối với người đối thoại.

Một hành vi ngôn ngữ gián tiếp khác cũng khá phổ biến và được thể hiện dưới nhiều cấp độ khác nhau của câu hỏi tu từ đó là hành vi "thách thức" hay "thách đố". Cao Xuân Hạo cũng đã từng đề cập đến cái sắc thái thách thức này trong các câu trả lời tình lược chỉ gồm có "Đâu (có)?" hay "Có đâu?" [8]. Kiểu như:

- *Anh Nam có cho anh hai cuốn sách à?*

- *Đâu (có)? / Có đâu?*

[8, 505]

Những câu trả lời này là những câu hỏi lại, thách thức người đối thoại chỉ ra bằng chứng của sự tình được nói tới. Và những câu nghi vấn có giá trị phủ định sử dụng cấu trúc "có... đâu" hay "đâu có", theo ông chính là được phái sinh từ những câu trả lời tình lược này. Vì vậy "cái sắc thái thách đố vẫn còn để lại dấu vết trong giọng điệu" [8, 506]. Tuy nhiên, theo chúng tôi cái sắc thái thách đố này không chỉ tồn tại ở những kiểu câu trên. Thí dụ:

(26) *Tôi nói thế đấy, làm gì được tôi?*

(27) *Tôi làm đấy, thì sao nào?*

(28) *Tôi đánh nó bao giờ?*

Nếu bất kì ai sử dụng tiếng Việt như ngôn ngữ mẹ đẻ đều có thể cảm nhận một cách dễ dàng cái hành vi "thách thức" trong ba phát ngôn trên. Rõ ràng, chúng có thể tồn tại hiện ngôn thông qua những phương tiện từ vựng thường được sử dụng trong hành vi thách thức như "làm gì được tôi" ở thí dụ (26); nhưng nó cũng có thể thể hiện gián tiếp ngầm ẩn như ở thí dụ (27) và (28):

(27): Tôi làm việc đó đấy, theo anh là có vấn đề phải không, vậy anh hãy thử chỉ ra cho tôi xem vấn đề ở đâu nào?

(28): Anh nói tôi đánh nó vậy anh hãy chỉ cho tôi xem bằng chứng tôi đã đánh nó khi nào?

Những thí dụ ở trên đã cho chúng ta thấy sự đa sắc, đa chiều của những hành vi ngôn ngữ tại lời gián tiếp mà các câu hỏi tu từ có thể thực hiện. Tùy thuộc vào từng ngữ cảnh khác nhau mà chúng thực hiện những hành vi ngôn ngữ khác nhau. Chính vì vậy mà trong thực tế giao tiếp câu hỏi tu từ được sử dụng khá phổ biến và linh hoạt.

3.7. Sự song hành của hành vi bác bỏ với một số kiểu hành vi ngôn ngữ tại lời gián tiếp khác trong câu hỏi tu từ.

Hành vi bác bỏ được xem là một trong những chức năng cơ bản và nổi

bật của câu hỏi tu từ. Điều này chúng ta có thể thấy rõ từ những phân tích ở trên. Tuy nhiên, khi quan sát hoạt động của những câu hỏi tu từ thực hiện chức năng bác bỏ này trong thực tế giao tiếp, chúng tôi phát hiện ra một đặc điểm khá thú vị là bên cạnh hành vi bác bỏ đó thường có sự song hành của một hành vi ngôn ngữ tại lời gián tiếp khác, một sắc thái biểu cảm khác. Đây chính điều tạo ra sự khác biệt giữa một câu hỏi tu từ với một câu bác bỏ thông thường. Quan sát lại các thí dụ (2), (3), (4):

(1) - Ai đồng chí đồng chuột với mày?

(2) - *Oan! Oan tôi quá!* Nào tôi có nói xấu ông cụ bao giờ?

(3) - *Thôi! Cho đứng lên! Đứng lên khai chứ ai bảo lạy?*

Như chúng tôi đã phân tích, những câu hỏi tu từ ở trên đã thực hiện chức năng bác bỏ cái ý kiến, hành động của người khác được đưa vào nội dung mệnh đề câu hỏi. Nhưng nếu quan sát kỹ hơn, chúng ta sẽ thấy chúng không đơn thuần chỉ thực hiện một hành vi ngôn ngữ duy nhất là bác bỏ mà bên cạnh đó, chúng còn thể hiện những sắc thái biểu cảm, những thông tin ngữ dụng khác. Ở thí dụ (2), đó là sự coi thường, khinh bỉ, nhưng ở thí dụ (3) nó lại là sự phân trần, giải thích. Trước hành động của người đối thoại ở ngữ cảnh (4) thì người nói đã thể hiện sự bực bội, sự đánh giá của người nói về tính không thích hợp

của hành vi... Đặc điểm này lại góp thêm một bằng chứng nữa về tính đa chức năng cũng như về khả năng hoạt động phong phú và tinh tế của câu hỏi tu từ trong giao tiếp.

4. Những phân tích của chúng tôi ở trên đã phần nào chỉ ra được các chức năng cơ bản của câu hỏi tu từ trong hoạt động giao tiếp. Từ đó, chúng ta có thể thấy câu hỏi tu từ có một phạm vi hoạt động rất rộng và với các chức năng rất đa dạng. Ngoài cái nội dung mang tính phủ định hay khẳng định ngầm ẩn, câu hỏi tu từ còn được sử dụng để thực hiện rất nhiều các hành động ngôn từ gián tiếp khác nhau, từ bác bỏ, từ chối đến đồng ý, chấp thuận; từ khuyên nhủ, ngăn cản đến chê trách, ngạc nhiên... Những câu hỏi kiểu này xuất hiện đặc biệt phổ biến trong giao tiếp hàng ngày và trong cả những phong cách chức năng khác của ngôn ngữ, chẳng hạn, trong các tác phẩm văn học, trong các văn bản mang tính nghị luận, chính luận... Tùy thuộc vào chiến lược lựa chọn các hình thái biểu hiện, mục đích giao tiếp cũng như các nhân tố ngữ cảnh của tình huống giao tiếp mà người nói sẽ sử dụng các câu hỏi này nhằm thực hiện các chức năng khác nhau. Cho dù câu hỏi tu từ được dùng với mục đích nào đi nữa thì thực tế trên đây cũng đã đủ để khẳng định rằng dạng câu hỏi này quả thực có một vai trò đặc biệt quan trọng trong hiện thực giao tiếp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Austin J.L., How to do things with words, *Oxford University Press*, 1962.
2. Diệp Quang Ban, Ngữ pháp tiếng Việt phổ thông, *Tập 2*, Nxb ĐH&THCN, 1987.
3. Butxtop, Nguyễn Tài Cán, Xtankevich, Ngữ pháp tiếng Việt (Giáo trình dành cho người Nga), 1975.
4. Ivano Caponigro, Jon Sprouse, Rhetorical questions as questions, In Estela Puig Waldmüller (ed.), *Proceedings of Sinn und Bedeutung (SuB) 11*, pp. 121-133, *Barcelona: Universitat Pompeu Fabra*, 2007.
5. Nguyễn Đức Dân, Logic - Ngữ nghĩa - Cú pháp, Nxb ĐH&THCN, 1987.
6. Lê Đông, Ngữ nghĩa ngữ dụng của câu hỏi chính danh, *Luận án tiến sĩ Ngữ văn*, 1997.
7. Chung-hye Han, Interpreting interrogatives as rhetorical questions, *Lingua 112* (2002) 201-229.
8. Cao Xuân Hạo, Tiếng Việt sơ thảo ngữ pháp chức năng, Nxb KHXH, 1991.
9. Lê Thị Thu Hoài, Tính đa thanh trong câu hỏi tu từ, *Kỷ yếu Hội thảo Ngôn ngữ học toàn quốc*, 2009.
10. Siritwong Hongswan, Các phương tiện thể hiện hành động bác bỏ trong tiếng Thái và tiếng Việt, Nxb ĐHQG, H., 2010.
11. Trần Trọng Kim, Bùi Kỳ, Phạm Duy Khiêm, Việt Nam văn phạm, Nxb Tân Việt.
12. Đinh Trọng Lạc, 99 phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt, Nxb GD, H., 1994.
13. Hoàng Trọng Phiến, Ngữ pháp tiếng Việt - Câu, Nxb ĐH&THCN, H., 1980.
14. Rohde H., Rhetorical Questions as redundant interrogatives, *San Diego Linguistics, Paper 2*, *University of California, San Diego*, 2006, pp. 134-168.
15. Nguyễn Kim Thân, Nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Việt, *Tập 2*, Nxb Khoa học Hà Nội, 1964.
16. Nguyễn Việt Tiến, Hỏi và câu hỏi theo quan điểm dụng học, *Luận án tiến sĩ Ngữ văn*, H., 2002.